

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN P
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **573/2020/HNGĐ-ST**

Ngày: 27/10/2020.

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Thái Dương Thùy Dung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Trung.

2. Ông Huỳnh Văn Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Hoàng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thành - Kiểm sát viên

Ngày 27 tháng 10 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 431/2020/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 8 năm 2020 về “*tranh chấp ly hôn, nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 288/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 9 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 225/2020/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh **Hà Minh N**, sinh năm 1988. Địa chỉ cư trú: ấp Bình T, xã B, huyện P, tỉnh An Giang (Có mặt).

2. *Bị đơn:* Chị **Trần Thị H**, sinh năm 1996. Địa chỉ cư trú: ấp Bình Minh, xã B, huyện P, tỉnh An Giang (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Hà Minh N trình bày như sau:

Năm 2017, anh và chị Trần Thị H tự nguyện chung sống và kết hôn với nhau, anh chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện P, tỉnh An Giang. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc, thời gian sau vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do chị H thường hay bỏ nhà đi, không chăm lo cho gia đình, ham chơi, đã nhiều lần anh N khuyên ngăn nhưng vẫn không thay đổi. Lần cuối chị H lại bỏ nhà tự đi cách nay hơn 05 tháng, để con lại cho anh N nuôi. Nhận thấy cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc, anh không còn tình cảm với chị H nên anh N yêu cầu xin được ly hôn với chị H.

Về con chung: Anh chị có một con chung tên Hà Minh T, sinh ngày 08/9/2017. Hiện con đang sống với anh N. Khi ly hôn, anh N yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Quá trình giải quyết vụ án, chị Trần Thị H vắng mặt và không gửi văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của anh N cho Tòa án.

Toà án đã tiến hành xác minh thì được bà Nguyễn Thị Ngọc Vân (mẹ ruột của chị H) cho biết: Hiện chị H đã đi làm, ít có mặt ở nhà thường xuyên, lâu lâu mới về thăm gia đình vài ngày rồi đi làm tiếp. Con của chị H thì đang sống với anh N và bên nội. Bà có liên hệ với chị H về việc Toà án gửi Thông báo mời làm việc về vụ ly hôn với anh N nhưng chị H nói không về được, để tùy Toà án giải quyết theo pháp luật.

*** Tại phiên tòa:**

- Anh N vẫn giữ yêu cầu ly hôn, yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Chị H vắng mặt tại phiên tòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng trong quá giải quyết vụ án và nêu quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau:

+ Về thủ tục tố tụng:

Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Riêng bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa là chưa chấp hành đúng theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh N; Về con chung: căn cứ vào Điều 58, 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị giao cháu T cho anh N được trực tiếp nuôi dưỡng, do anh N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên đề nghị không xem xét. Về tài sản chung, nợ chung: Anh N không yêu cầu nên đề nghị không xem xét, giải quyết. Về án phí sơ thẩm: Đề nghị xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết:

Anh Hà Minh N khởi kiện yêu cầu ly hôn, giải quyết về con chung đối với bị đơn anh Trần Thị H nên xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là *"tranh chấp ly hôn, nuôi con"*. Chị H có địa chỉ cư trú tại xã B, huyện P, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh An Giang có thẩm quyền thụ lý, giải quyết vụ án là đúng theo quy định theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự có mặt, vắng mặt của đương sự:

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho đương sự theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, nguyên đơn có mặt, bị

đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên toà lần thứ hai, không có lý do nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án là đúng theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] *Về hôn nhân*: Anh N và chị H tự nguyện kết hôn nhân vào năm 2007 và có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 201 do Ủy ban nhân dân xã B, huyện P, tỉnh An Giang cấp ngày 17/10/2017 nên xét hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ chồng.

Theo anh N trình bày, sau khi kết hôn một thời gian thì anh và chị H đã phát sinh mâu thuẫn, chị H nhiều lần bỏ nhà đi, không chăm lo cho gia đình, không rõ lý do đi đâu, làm gì, đi khoảng nửa tháng hay một tháng rồi về. Anh N có quan tâm, hỏi chuyện và khuyên ngăn nhưng chị H vẫn không thay đổi, lần sau cùng chị H bỏ nhà đi đến nay được khoảng 06 tháng. Xét thấy vợ chồng có nghĩa vụ yêu thương, chung sống, quan tâm lẫn nhau, thế nhưng chị H hay bỏ đi, không thường xuyên chung sống và quan tâm tới gia đình. Mặt khác, Tòa án đã tiến hành hoà giải, tạo điều kiện để anh chị có cơ hội được hàn gắn lại tình cảm với nhau nhưng trong suốt quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, chị H vẫn vắng mặt, cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến cho Tòa án, cho thấy chị H đã tự từ bỏ quyền lợi của mình, không muốn hàn gắn cũng như duy trì mối quan hệ hôn nhân với anh N. Từ những cơ sở đó, Hội đồng xét xử xét thấy, hôn nhân giữa anh N và chị H đã thật sự lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Anh N, cho anh N được ly hôn với chị H là phù hợp với quy định tại Điều 19, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và phù hợp với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P.

[2.2] Về con chung:

Xét thấy, từ khi chị H bỏ đi đến nay, con chung cháu Hà Minh T, sinh ngày 08/9/2017 đang sống ổn định với anh N và bên nội, anh N có nghề nghiệp ổn định, do đó để đảm bảo về sự phát triển mọi mặt của con, Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu T cho anh N được trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 58, 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do anh N không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Về quyền thăm nom, chăm sóc con chung: Căn cứ vào Điều 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, anh N và các thành viên trong gia đình không được cản trở chị H đến thăm nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung.

Vì lợi ích của các con, theo yêu cầu của một bên, các bên hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và thay đổi về cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.3] *Về tài sản chung, nợ chung*: Do anh N không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Do anh N là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên anh N phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 19, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Hà Minh N.

- Về hôn nhân: Cho anh Hà Minh N được ly hôn với chị Trần Thị H.

Giấy chứng nhận kết hôn số 201 do Ủy ban nhân dân xã B, huyện P, tỉnh An Giang cấp ngày 17/10/2017 cho anh Hà Minh N và chị Trần Thị H không còn giá trị pháp lý khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- Về con chung: Anh Hà Minh N được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hà Minh T, sinh ngày 08/9/2017. Hiện cháu T đang sống với anh N.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không xem xét, giải quyết.

Anh N và các thành viên trong gia đình không được cản trở chị H đến thăm nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung.

Vì lợi ích của các con, theo yêu cầu của một bên, các bên hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và thay đổi về cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

- Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Anh Hà Minh N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) mà anh N đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số TU/2019/0003589 ngày 10 tháng 8 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P nên anh N không phải nộp thêm.

- Về quyền kháng cáo: Anh Hà Minh N có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Trần Thị H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh An Giang;
- Viện kiểm sát ND tỉnh AG;
- Viện kiểm sát ND H. P;
- Chi cục THA DS H. P;
- Dương sự;
- Lưu VP; hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thái Dương Thùy Dung